

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-SNN&PTNT Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 2022**

Thực hiện Công văn số 20029/UBND-VX ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, xếp loại Đơn vị học tập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo như sau:

**1. Thông tin chung**

- Tên cơ quan: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa
- Địa chỉ: 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
- Số điện thoại: 02373.851.118
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:
  - + Tổng biên chế được giao: 1.180 người, trong đó 1.118 công chức, viên chức và 62 LĐHD 68.
  - + Tổng số người có mặt đến 31/12/2022: 1070 người, trong đó 1.011 công chức, viên chức và 59 LĐHD 68.

**2. Kết quả đánh giá, xếp loại**

**2.1. Kết quả thực hiện**

Năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành đầy đủ, kịp thời các Kế hoạch về công tác đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo Kế hoạch được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, gồm:

- Đã ban hành các Kế hoạch: số 27/KH-SNN&PTNT ngày 16/3/2022 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2022-2025; số 29/KH-SNN&PTNT ngày 22/3/2022 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2022; số 34/KH-SNN&PTNT ngày 31/3/2022 tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn đối với công chức, viên chức theo Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa; số 57/KH-SNN&PTNT ngày 13/7/2022 triển khai thực hiện Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030”.

- Sở và các đơn vị thuộc Sở đã cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, cụ thể:

+ Cử 12 công chức, viên chức thuộc đối tượng 3 tham gia lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức Quốc phòng An ninh (04 bồi dưỡng, 8 cập nhật); 170 công chức, viên chức đi học quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương; 45 công chức, viên chức đi học trung cấp lý luận chính trị; 12 công chức đi học quản lý nhà nước chuyên viên chính và tương đương; 09 công chức, viên chức đào tạo Đại học; 02 viên chức đào tạo sau Đại học; 42 công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương; 04 công chức, viên chức đi học cao cấp lý luận chính trị.

+ Hoàn thành tổ chức 07 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho công chức, viên chức các đơn vị thuộc Sở, số lượng 430 học viên (gồm: 01 lớp bồi dưỡng kiến thức, quy định mới về công tác tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; chế độ chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động; hướng dẫn nghiệp vụ quản lý tài chính và vốn đầu tư công; 03 tập huấn nghiệp vụ tham mưu thực hiện quản lý Nhà nước về công tác lâm nghiệp; 02 lớp tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ công tác theo dõi diễn biến rừng; 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng thực hiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính).

## 2.2. Kết quả tự đánh giá, xếp loại

| TT       | Tiêu chí   | Điểm tối đa 100 | Điểm đơn vị tự chấm |
|----------|--|-----------------|---------------------|
| <b>1</b> | <b>Các điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập</b>  | <b>30</b>       | <b>30</b>           |
| <i>a</i> | <i>Đơn vị có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên</i>  | <i>10</i>       | <i>10</i>           |
|          | Trong đó:  |                 |                     |
|          | Không có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên  | 0               |                     |
|          | Có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên  | 5               |                     |
|          | Có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên và các nội dung trong chủ trương hoặc kế hoạch đều thực hiện được  | 10              | 10                  |
| <i>b</i> | <i>Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập</i>   | <i>10</i>       | <i>10</i>           |
|          | Trong đó:  |                 |                     |
|          | Không có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập   | 0               |                     |
|          | Có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập   | 5               |                     |
|          | Có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập và các quy định thực sự động viên tốt các thành viên trong đơn vị học tập | 10              | 10                  |

|          |   |           |           |
|----------|---|-----------|-----------|
| <b>c</b> | <b><i>Đơn vị quan tâm đầu tư nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo) để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên</i></b> | <b>10</b> | <b>10</b> |
|          | Trong đó:   |           |           |
|          | Không quan tâm  | 0         |           |
|          | Đã quan tâm đầu tư các nguồn lực  | 5         |           |
|          | Đã quan tâm đầu tư nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo) và sự quan tâm đó đã đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên | 10        | 10        |
| <b>2</b> | <b>Kết quả học tập của thành viên</b>   | <b>30</b> | <b>25</b> |
| <b>a</b> | <b><i>100% thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hằng năm được lãnh đạo phê duyệt</i></b>  | <b>10</b> | <b>8</b>  |
|          | Trong đó:   |           |           |
|          | Đạt dưới 50%  | 3         |           |
|          | Đạt từ 50% - 59%  | 5         |           |
|          | Đạt từ 60% - 69%  | 6         |           |
|          | Đạt từ 70% - 79%  | 7         |           |
|          | Đạt từ 80% - 89%  | 8         | 8         |
|          | Đạt từ 90% - 99%  | 9         |           |
|          | Đạt 100%  | 10        |           |
| <b>b</b> | <b><i>100 % thành viên trong đơn vị đạt từ “Lao động tiến tiến” trở lên</i></b>   | <b>5</b>  | <b>4</b>  |
|          | Trong đó:   |           |           |
|          | Đạt từ 60% - 69%  | 1         |           |
|          | Đạt từ 70% - 79%  | 2         |           |
|          | Đạt từ 80% - 89%  | 3         |           |
|          | Đạt từ 90% - 99%  | 4         | 4         |
|          | Đạt 100%  | 5         |           |
| <b>c</b> | <b><i>100% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi</i></b>                 | <b>5</b>  | <b>4</b>  |
|          | Trong đó:   |           |           |
|          | Đạt từ 60% - 69%  | 1         |           |
|          | Đạt từ 70% - 79%  | 2         |           |
|          | Đạt từ 80% - 89%  | 3         |           |
|          | Đạt từ 90% - 99%  | 4         | 4         |
|          | Đạt 100%  | 5         |           |
| <b>d</b> | <b><i>100% thành viên trong đơn vị hoàn thành đủ chương trình học tập, bắt buộc theo quy định của nhà nước</i></b>  | <b>10</b> | <b>9</b>  |
|          | Trong đó:   |           |           |

|          |   |            |           |
|----------|---|------------|-----------|
|          | Đạt dưới 50%  | 3          |           |
|          | Đạt từ 50% - 59%  | 5          |           |
|          | Đạt từ 60% - 69%  | 6          |           |
|          | Đạt từ 70% - 79%  | 7          |           |
|          | Đạt từ 80% - 89%  | 8          |           |
|          | Đạt từ 90% - 99%  | 9          | 9         |
|          | Đạt 100%  | 10         |           |
| <b>3</b> | <b>Đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng đơn vị học tập</b>  | <b>40</b>  | <b>35</b> |
| a        | 100% thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của công dân học tập gồm: Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm của công dân với gia đình, xã hội; có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân; có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường; biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; có tư duy phản biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề; tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới; hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp. | 25         | 21        |
|          | Trong đó:   |            |           |
|          | Đạt dưới 50%  | 2          |           |
|          | Đạt từ 50% - 59%  | 6          |           |
|          | Đạt từ 60% - 69%  | 10         |           |
|          | Đạt từ 70% - 79%  | 14         |           |
|          | Đạt từ 80% - 89%  | 17         |           |
|          | Đạt từ 90% - 99%  | 21         | 21        |
|          | Đạt 100%  | 25         |           |
| <b>b</b> | <b>Đơn vị đạt từ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên</b>   | <b>10</b>  | <b>9</b>  |
|          | Trong đó:   |            |           |
|          | Không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”  | 2          |           |
|          | Đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”  | 6          |           |
|          | Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”   | 8          |           |
|          | Được tặng cờ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương  | 9          | 9         |
|          | Được nhận cờ thi đua cấp Trung ương   | 10         |           |
| <b>c</b> | <b>Góp phần tạo môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác</b>   | <b>5</b>   | <b>5</b>  |
|          | <b>Tổng số điểm đạt được</b>  | <b>100</b> | <b>90</b> |

Tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập: Loại tốt (Có hồ sơ gửi kèm theo).

## II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NĂM 2023

1. Xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, nhiệm vụ đào tạo được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

2. Cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch chung của tỉnh; cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn của ngạch công chức; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

3. Tiếp tục quan tâm đầu tư nguồn lực đáp ứng nhu cầu học tập của các thành viên.

Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp chung./.

***Nơi nhận:***

- Sở GD&ĐT;
- Văn phòng UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Cao Văn Cường**